TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2022
V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng;

Ông Phan Văn Hiền.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Ngô Văn T. Sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T sống chung với nhau từ năm 1977, không có đăng ký kết hôn, việc sống chung là tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn được bà xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tự hàn gắn được. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 04 người con chung, đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Ngô Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình

đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Ngô Văn T có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, với ông T, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T sống chung từ năm 1977 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc sống chung là tự nguyện. Quan hệ vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, nhưng xét thời gian hai người sống chung với nhau trước năm 1987 nên xác định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn được bà xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tự hàn gắn được. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục.

Như vậy, mục đích hôn nhân của bà và ông không đạt được. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 04 người con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình; Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, nên bà H được miễn toàn bộ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Văn Đen

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.